TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/KDTM-ST
Ngày: 11-8-2017
V/v "T/c hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Trần Văn Chu

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2016/TLST-KDTM ngày 17/5/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐST - KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2017/QĐST - KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó giám đốc Ngân hàng A- chi nhánh huyện T; địa chỉ khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn U, sinh năm 1972. Địa chỉ ấp 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đồng Thị M, sinh năm 1971 (có mặt)

3.2. Chị Đặng Thị Kim H, sinh năm 1992 (vắng có đơn)

3.3. Anh Đặng Minh T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguyên ông Đặng Văn U có vay vốn tại Ngân hàng A - chi nhánh huyện T, Bến Tre số tiền 350.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201410968/HĐTD ngày 21/11/2014 số tiền vay 250.000.000 đồng; mục đích vay nạo vét ao, mua máy quạt nuôi tôm; giải ngân

ngày 26/11/2014, thời hạn vay 18 tháng; kỳ hạn trả nợ: ngày 21/8/2015 trả 100.000.000 đồng, ngày 21/5/2016 trả 150.000.000 đồng; lãi suất 10%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

- Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-2015009991/HĐTD ngày 20/10/2015, số tiền vay 100.000.000 đồng; giải ngân ngày 23/10/2015, thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay nạo vét ao, mua máy quạt nuôi tôm; ngày đến hạn trả nợ: 20/10/2016; lãi suất: 7%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đặng Văn U theo hợp đồng thế chấp số 41.2014.091/HĐTC ngày 21/11/2014 gồm:

- Thửa đất 59, tờ bản đồ 06, diện tích 913 m^2, loại đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại ấp 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre;

- Thửa đất 109, tờ bản đồ 6, diện tích 951 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất;

- Thửa đất 106, tờ bản đồ 6, diện tích 5.453 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Quá trình thanh toán nợ:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201410968/HĐTD ngày 21/11/2014, đến kỳ hạn trả nợ ngày 21/5/2016, số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh Ngân hàng có yêu cầu ông U thanh toán nợ và ông U cũng đã có cam kết thanh toán nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Để góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để ông U có thời gian trả nợ, Ngân hàng đã thực hiện gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 21/11/2016. Tuy nhiên đến nay ông U vẫn không thực hiện nghĩa vụ, không hợp tác trong quá trình giải quyết nợ vay, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201509991/HĐTD ngày 20/10/2015, đến kỳ hạn trả nợ ngày 20/10/2016, số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh Ngân hàng có yêu cầu ông U thanh toán nợ và ông U cũng đã có cam kết thanh toán nợ nhiều lần nhưng không thực hiện, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 30/6/2017, ông U còn nợ tổng số tiền là 294.261.458 đồng, cụ thể:

- Đối với HĐTD số 7102-LAV-201410968/HĐTD ngày 21/11/2014: số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn là 28.489.583 đồng, lãi quá hạn là 4.834.375 đồng;

- Đối với HĐTD số 7102-LAV-201509991/HĐTD ngày 20/10/2015: số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.477.778 đồng, lãi quá hạn là 2.459.722 đồng;

Do đó nay Ngân hàng yêu cầu ông U và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thanh toán số tiền 294.261.458 đồng và tiền lãi vay phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 01/7/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Nếu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông U và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc, tiền lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo đảm tiền vay nêu trên để thanh toán hết nợ.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị M

trình bày:

Bà thừa nhận ông U có vay và hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ các HĐTD số 7102-LAV-201410968/HĐTD ngày 21/11/2014; số 7102-LAV-2015009991/HĐTD ngày 20/10/2015, đây là nợ chung của bà và ông U. Đồng thời, bà cũng xác nhận các tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc tài sản chung của bà và ông U gồm thửa đất 59, tờ bản đồ 06, diện tích 913 m^2, loại đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại ấp 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; thửa đất 109, tờ bản đồ 6, diện tích 951 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; thửa đất 106, tờ bản đồ 6, diện tích 5.453 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Sau khi vay vốn, do gặp khó khăn trong quá trình làm ăn nên ông U đã không thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết với Ngân hàng. Nay bà đồng ý cùng ông U trả số tiền 294.261.458 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên xin hàng quý trả 20.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên trình bày, yêu cầu.

- Bị đơn ông Đặng Văn U thừa nhận có tự nguyện ký kết với Ngân hàng A chi nhánh huyện T Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201410968/HĐTD ngày 21/11/2014 số tiền vay 250.000.000 đồng; mục đích vay nạo vét ao, mua máy quạt nuôi tôm; giải ngân ngày 26/11/2014, thời hạn vay 18 tháng; kỳ hạn trả nợ: ngày 21/8/2015 trả 100.000.000 đồng, ngày 21/5/2016 trả 150.000.000 đồng; lãi suất 10%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Và Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-2015009991/HĐTD ngày 20/10/2015, số tiền vay 100.000.000 đồng; giải ngân ngày 23/10/2015, thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay nạo vét ao, mua máy quạt nuôi tôm; ngày đến hạn trả nợ: 20/10/2016; lãi suất: 7%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông theo hợp đồng thế chấp số 41.2014.091/HĐTC ngày 21/11/2014 gồm: Thửa đất 59, tờ bản đồ 06, diện tích 913 m^2, loại đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại ấp 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; thửa đất 109, tờ bản đồ 6, diện tích 951 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; thửa đất 106, tờ bản đồ 6, diện tích 5.453 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Sau khi vay vốn, do có khó khăn trong quá trình làm ăn nên ông đã không thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết. Tính đến ngày 30/6/2017, ông còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 294.261.458 đồng. Cụ thể: Đối với HĐTD số 7102-LAV-201410968/HĐTD ngày 21/11/2014: số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn là 28.489.583 đồng, lãi quá hạn là 4.834.375 đồng; đối với HĐTD số 7102-LAV-2015009991/HĐTD ngày 20/10/2015: số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.477.778 đồng, lãi quá hạn là 2.459.722 đồng. Nay ông đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên xin hàng quý trả 20.000.000 đồng đến khi hết nợ.

- Bà Đồng Thị M giữ nguyên trình bày, không bổ sung.

- Anh Đặng Minh T vắng mặt.

- Chị Đặng Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy:

- Về thủ tục: Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Chị Đặng Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng anh Đặng Minh T vắng mặt không lí do thể hiện việc từ chối thực hiện các quyền được pháp luật quy định. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Trên cơ sở hồ sơ vay vốn lập ngày 21/11/2014 và ngày 20/10/2015 giữa Ngân hàng và phía bị đơn thì bị đơn đã nhận đủ tiền vay (350 triệu đồng), có trả được một phần vốn vay (100 triệu đồng) đúng phương án trả nợ đã xác lập. Phần còn lại 250 triệu đồng không khả năng tài chính trả tất nợ vay Ngân hàng; do đó phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đặng Văn U cùng những người liên quan khác hoàn trả số tiền 294.261.458 đồng (gồm tiền vốn 250 triệu đồng, lãi vay 44.261.500 đồng) cùng khoản lãi suất thỏa thuận như đã ghi trong hợp đồng tín dụng từ ngày 01/7/2017 đến khi trả tất nợ. Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất số 41.2014.091/HĐTC ngày 21/11/2014 để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Anh Đặng Minh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Riêng chị Đặng Thị Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, tại phiên tòa, ông U hoàn toàn thừa nhận vào ngày 21/11/2014 có ký kết với Ngân hàng A chi nhánh huyện T Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-201410968/HĐTD để vay số tiền 250.000.000 đồng; mục đích vay nạo vét ao, mua máy quạt nuôi tôm; giải ngân ngày 26/11/2014, thời hạn vay 18 tháng; kỳ hạn trả nợ: ngày 21/8/2015 trả 100.000.000 đồng, ngày 21/5/2016 trả 150.000.000 đồng; lãi suất 10%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Đến ngày 20/10/2015, ông U tiếp tục ký kết với Ngân hàng A chi nhánh huyện T Hợp đồng tín dụng số 7102-LAV-2015009991/HĐTD để vay số tiền 100.000.000 đồng; giải ngân ngày 23/10/2015, thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay nạo vét ao, mua máy quạt nuôi tôm; ngày đến hạn trả nợ: 20/10/2016; lãi suất: 7%/năm, loại lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Và để bảo đảm cho khoản vay, ông U và bà M, anh T, chị H đã tự nguyện ký kết hợp đồng số 41.2014.091/HĐTC ngày 21/11/2014 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liền với đất đối với thửa đất 59, tờ bản đồ 06, diện tích 913 m^2, loại đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại ấp 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; thửa đất 109, tờ bản đồ 6, diện tích 951 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; thửa đất 106, tờ bản đồ 6, diện tích 5.453 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Sau khi vay vốn, do quá trình làm ăn gặp khó khăn nên ông U đã không thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết và tính đến ngày 30/6/2017 còn nợ lại tổng số tiền 294.261.458 đồng như trình bày của Ngân hàng. Đồng thời, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà M cũng hoàn toàn thừa nhận số tiền vay và tiền lãi phát sinh từ hai hợp đồng tín dụng do ông U ký kết với Ngân hàng A chi nhánh huyện T nêu trên là nợ chung của bà và ông U. Và bà cũng xác nhận các tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho khoản vay trên gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của bà và ông U nên đồng ý cùng ông U chịu trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền (tính đến ngày 30/6/2017) là 294.261.458 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận từ ngày 01/7/2017 cho đến ngày trả hết nợ là có căn cứ phù hợp với pháp luật quy định tại các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các điều 342, 715 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận để đảm bảo thi hành án.

Về án phí KDTM - ST có giá ngạch (294.261.458đ x 5%) là 14.713.072 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông U và bà M phải liên đới nộp theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại; các điều 342, 471, 474, 476, 715 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Đặng Văn U và bà Đồng Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A (Ngân hàng A chi nhánh huyện T đại diện nhận) số tiền 294.261.458 đồng (hai trăm chín mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi mốt ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng). Trong đó:

- Tiền gốc: 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Tiền lãi trong hạn: 36.967.361đ (ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi mốt đồng);
- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/6/2017: 7.294.097đ (bảy triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn chín mươi bảy đồng).

Ngân hàng A (Ngân hàng A chi nhánh huyện T đại diện) được tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 01/7/2017 cho đến khi ông U, bà M trả xong nợ gốc.

Trường hợp ông Đặng Văn U và bà Đồng Thị M không tự nguyện thi hành số tiền trên thì Ngân hàng A (Ngân hàng A chi nhánh huyện T đại diện) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: thửa đất 59, tờ bản đồ 06, diện tích 913 m^2, loại đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất là nhà ởtại ấp 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; thửa đất 109, tờ bản đồ 6, diện tích 951 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; thửa đất 106, tờ bản đồ 6, diện tích 5.453 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

2/- Án phí KDTM - ST có giá ngạch: 14.713.072đ (mười bốn triệu bảy trăm mười ba ngàn không trăm bảy mươi hai đồng) buộc ông Đặng Văn U và bà Đồng Thị M phải liên đới nộp.

Trả cho Ngân hàng A (Ngân hàng A chi nhánh huyện T đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.350.000đ (bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007203 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Duyên